

List of five centrally controlled cities :

Sr.No	City name	Area (km ²)	Population	City status	Year of establishment
1	Can Tho	1,389.60	1,187,089	1st-class	1928
2	Da Nang	1,255.53	887,069	1st-class	1889
3	Hai Phong	1,507.57	1,837,302	1st-class	1888
4	Ha Noi	3,324.92	6,448,837	special class	1888
5	Ho Chi Minh City	2,095.00	7,162,864	special class	1877

Provincial Cities :

Sr.No	City name	Province	Area (km ²)	Population	Year of establishment	City status
1	Ba Ria	Ba Ria-Vung Tau	91.46	122,424	2012	3
2	Bac Lieu	Bac Lieu	175.4	188,863	2010	3
3	Bac Giang	Bac Giang	32.21	126,810	2005	3
4	Bac Ninh	Bac Ninh	80.28	153,250	2006	3
5	Bao Loc	Lam Dong	232.56	153,362	2010	3
6	Bien Hoa	Dong Nai	264.07	784,398	1976	2
7	Ben Tre	Ben Tre	67.48	143,312	2009	3
8	Buon Ma Thuot	Dak Lak	370.00	340,000	1995	1
9	Ca Mau	Ca Mau	250.3	204,895	1999	2
10	Cam Pha	Quang Ninh	486.4	195,800	2012	3
11	Cao Lanh	Dong Thap	107.195	149,837	2007	3
12	Da Lat	Lam Dong	393.29	256,393	1920	1
13	Dien Bien Phu	Dien Bien	60.09	70,639	2003	3
14	Dong Ha	Quang Tri	73.06	93,756	2009	3
15	Dong Hoi	Quang Binh	155.54	103,988	2004	3
16	Ha Tinh	Ha Tinh	56.19	117,546	2007	3
17	Ha Long	Quang Ninh	208.7	203,731	1994	2
18	Hai Duong	Hai Duong	71.39	187,405	1997	2
19	Hoa Binh	Hoa Binh	148.2	93,409	2006	3
20	Hoi An	Quang Nam	61.47	121,716	2008	3
21	Hue	Thua Thien-Hue	83.3	333,715	1945	1
22	Hung Yen	Hung Yen	46.8	121,486	2009	3
23	Kon Tum	Kon Tum	432.98	137,662	2009	3
24	Lang Son	Lang Son	79.0	148,000	2002	3
25	Lao Cai	Lao Cai	221.5	94,192	2004	3
26	Long Xuyen	An Giang	106.87	227,300	1999	2
27	Mong Cai	Quang Ninh	518.28	108,016	2008	3
28	My Tho	Tien Giang	79.8	215,000	1928	2
29	Nam Dinh	Nam Dinh	46.4	191,900	1921	1

30	Ninh Binh	Ninh Binh	48.3	130,517	2007	3
31	Nha Trang	Khanh Hoa	251.0	392,279	1977	1
32	Cam Ranh	Khanh Hoa	325.0	128,358	2010	3
33	Phan Rang-Thap Cham	Ninh Thuan	79.37	102,941	2007	3
34	Phan Thiet	Binh Thuan	206.0	255,000	2010	2
35	Phu Ly	Ha Nam	34.27	121,350	2008	3
36	Pleiku	Gia Lai	260.61	186,763	1999	2
37	Quang Ngai	Quang Ngai	37.12	134,400	2005	3
38	Quy Nhon	Binh Dinh	284.28	311,000	1986	1
39	Rach Gia	Kien Giang	97.75	228,360	2005	3
40	Soc Trang	Soc Trang	76.15	173,922	2007	3
41	Son La	Son La	324.93	107,282	2008	3
42	Tam Ky	Quang Nam	92.63	120,256	2006	3
43	Tan An	Long An	81.79	166,419	2009	3
44	Thai Binh	Thai Binh	67.69	186,000	2004	3
45	Thai Nguyen	Thai Nguyen	189.70	330,000	1962	
46	Thanh Hoa	Thanh Hoa	57.8	197,551	1994	2
47	Tra Vinh	Tra Vinh	68.03	131,360	2010	3
48	Tuy Hoa	Phu Yen	212.62	167,174	2005	3
49	Tuyen Quang	Tuyen Quang	119.17	110,119	2010	3
50	Uong Bi	Quang Ninh	256.3	170,000	2011	3
51	Viet Tri	Phu Tho	110.99	277,539	1962	1
52	Vinh	Nghe An	104.98	282,981	1927	1
53	Vinh Yen	Vinh Phuc	50.80	122,568	2006	3
54	Vinh Long	Vinh Long	48.01	147,039	2009	3
55	Vung Tau	Ba Ria-Vung Tau	140.0	240,000	1991	1
56	Yen Bai	Yen Bai	108.155	95,892	2002	3

For other more formats kindly visit www.downloadexcelfiles.com

Original source : en.wikipedia.org/wiki/List_of_cities_in_Vietnam